

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA

---o0o---

Số: 115/2018-TTr-NVLG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

TP. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị Công ty

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va

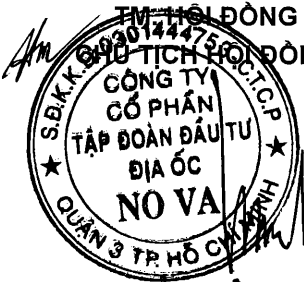
Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26/06/2006;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va.

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn về tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua bản sửa đổi, bổ sung của Quy chế Quản trị Công ty – đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỖ TÍCH HỌ ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÙI THÀNH NHƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NOVA



DỰ THẢO QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2018-NQ-NVLG ngày tháng năm 2018
của Đại Hội Đồng Cổ Đông)*

TP. HCM, ngày tháng năm 2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG I:	QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2.	Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II:	CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	2
Điều 3.	Quyền của cổ đông	2
Điều 4.	Trách nhiệm của cổ đông lớn	2
Điều 5.	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	2
Điều 6.	Ghi và lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 7.	Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	5
CHƯƠNG III:	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
Điều 8.	Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng Quản trị	5
Điều 9.	Tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị	6
Điều 10.	Thành phần Hội đồng Quản trị	6
Điều 11.	Quyền của Thành viên Hội đồng Quản trị	6
Điều 12.	Trách nhiệm và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng Quản trị	6
Điều 13.	Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	6
Điều 14.	Họp Hội đồng Quản trị	8
Điều 15.	Thủ lao của Hội đồng Quản trị	8
Điều 16.	Ban Kiểm toán nội bộ và các Tiểu ban của HĐQT	8
Điều 17.	Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty	8
Điều 18.	Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập	9
CHƯƠNG IV:	ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	9
Điều 19.	Đào tạo về quản trị Công ty	9
CHƯƠNG V:	NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	9
Điều 20.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác	9
Điều 21.	Giao dịch với Người có liên quan	10
Điều 22.	Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty	10
CHƯƠNG VI:	BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	10
Điều 23.	Nghĩa vụ công bố thông tin	10
Điều 24.	Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công ty	11
Điều 25.	Công bố thông tin về Quản trị Công ty	11
Điều 26.	Công bố thông tin về thu nhập của Người điều hành doanh nghiệp	11
Điều 27.	Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Người nội bộ và Người có liên quan	11
Điều 28.	Tổ chức công bố thông tin	11
CHƯƠNG VII:	GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	11
Điều 29.	Giám sát	11
Điều 30.	Xử lý vi phạm	11
CHƯƠNG VIII:	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY	12
Điều 31.	Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị Công ty	12
CHƯƠNG IX:	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	12
Điều 32.	Điều khoản thi hành	12

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế Quản trị Công ty áp dụng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va. Quy chế này được xây dựng theo quy định của:
 - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 (“Luật Doanh nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn;
 - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 (“Luật Chứng khoán”) và các văn bản hướng dẫn;
 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về Quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp của Công ty.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện Quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va.
4. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của pháp luật và Quy chế này hoặc văn bản khác của Công ty thì thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Quản trị Công ty”: là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - Tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Đảm bảo vai trò, trách nhiệm của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
 - Công khai minh bạch trong hoạt động của Công ty;
 - b. “Công ty”: là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va có trụ sở 313B - 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, TP HCM;
 - c. “Hội đồng Quản trị (“HĐQT”): là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”);
 - d. “Ban Tổng Giám đốc (“BTGD”): bao gồm Tổng Giám đốc (“TGD”) và các Phó Tổng Giám đốc (“PTGD”) của Công ty;
 - e. “Cổ đông lớn”: là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - f. “Ban Kiểm toán Nội bộ/Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ (“TBKTNB”): là Ban/Tiểu ban giúp việc cho HĐQT, do HĐQT thành lập và trực thuộc HĐQT theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp;
 - g. “Người điều hành doanh nghiệp”: bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng (“KTT”) và các chức danh Quản lý khác trong Công ty được HĐQT bổ nhiệm;
 - h. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 17 Điều 4

của Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;

- i. “Người nội bộ”: là các cá nhân được định nghĩa theo Khoản 5 Điều 2 Thông tư 155;
 - j. “Thành viên HĐQT không điều hành”: là Thành viên HĐQT không phải là Người điều hành doanh nghiệp của Công ty;
 - k. “Thành viên độc lập HĐQT”: là Thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện theo quy định của Khoản 2 Điều 151 của Luật Doanh nghiệp.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:
 - a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ;
 - b. Quyền được đối xử công bằng: Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - c. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và bất thường về hoạt động của Công ty do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy một phần (hoặc toàn bộ) các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Công ty thì HĐQT, BTGD phải bồi thường cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn

Cổ đông lớn có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.
2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Công ty thực hiện công bố thông tin trên Website Công ty về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, gồm các nội dung chính sau:
 - a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;
 - b. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ;
 - c. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ;
 - d. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu;

- e. Cách thức biểu quyết, thông báo kết quả biểu quyết;
 - f. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ;
 - g. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ;
 - h. Thông báo quyết định ĐHĐCĐ ra công chúng;
 - i. Các vấn đề khác.
2. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và trên Website của Công ty. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên Website của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ Website để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ:
 - 4.1 Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự ĐHĐCĐ theo cách thức sau: Gửi Giấy xác nhận tham dự ĐHĐCĐ (theo mẫu đính kèm trong Thông báo mời họp hoặc trên Website của Công ty) thông qua các hình thức thư điện tử hoặc thư gửi qua bưu điện trong thời hạn được nêu tại Thông báo mời họp ĐHĐCĐ;
 - 4.2 Nếu cổ đông không thể tham dự ĐHĐCĐ thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty đăng trên Website của Công ty hoặc được đính kèm thông báo mời họp;
 - 4.3 Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền (bản gốc) cho Công ty trước khi vào phòng họp;
 - 4.4 Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
 - 4.5 Cổ đông đến tham dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tại Đại hội Đồng cổ đông thuộc một trong các trường hợp sau: (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; (ii) ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; (iii) tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; (iv) gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gởi thư, fax, thư điện tử.

5. Cách thức biểu quyết, thông báo kết quả biểu quyết:
 - 5.1 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng đại biểu một thẻ biểu quyết. Tất cả đại biểu đã làm thủ tục đăng ký tham dự được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình ĐHĐCĐ;
 - 5.2 Cách thức biểu quyết: Khi biểu quyết thông qua nội dung các vấn đề liên quan, đại biểu tham dự ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết bằng cách chọn phương án biểu quyết trong phiếu biểu quyết. Công ty có thể sử dụng các chương trình, phần mềm máy tính, dịch vụ công nghệ thông tin trong việc biểu quyết để tạo thuận lợi cho cổ đông;

- 5.3 Cách thức kiểm phiếu biểu quyết: Sau khi cổ đông đã biểu quyết xong tất cả các vấn đề cần thông qua tại ĐHĐCĐ, ban kiểm phiếu tiến hành thu lại tất cả phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu;
- 5.4 Thông báo kết quả biểu quyết: Kết quả biểu quyết từng vấn đề làm việc của ĐHĐCĐ được Chủ tọa (hoặc người được Chủ tọa chỉ định) thông báo trước khi bế mạc ĐHĐCĐ;
- 5.5 Việc biểu quyết bầu Thành viên HĐQT, Công ty được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu với nguyên tắc thực hiện như sau:

Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Thành viên được bầu của HĐQT. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một (1) hoặc một số ứng cử viên;

Người trúng cử Thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai (2) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Thành viên cần bầu cuối cùng, ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử (nếu có).
6. HĐQT hoặc người triệu tập ĐHĐCĐ sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ.
7. Công ty có thể sử dụng các chương trình, phần mềm máy tính, dịch vụ công nghệ thông tin hiện đại trong việc biểu quyết để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp quy định pháp luật.
8. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp ĐHĐCĐ thường niên.
9. Trừ trường hợp pháp luật và điều lệ công ty có quy định khác, việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo hình thức công ty trực tiếp thực hiện và/hoặc sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán ("VSD").

Trình tự và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử của VSD sẽ được thực hiện theo đúng quy định của VSD.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản do Công ty trực tiếp thực hiện được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật doanh nghiệp.

Điều 6. Ghi và lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến ĐHĐCĐ, dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, lập Biên bản họp ĐHĐCĐ. Dự thảo Nghị quyết và Biên bản họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc.
2. Chủ tọa và Thư ký liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp.
3. Biên bản họp ĐHĐCĐ, danh sách cổ đông đăng ký tham dự họp, văn bản ủy quyền tham dự, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết thông qua tại ĐHĐCĐ và các tài liệu gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại Văn phòng Công ty.
4. Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên Website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Biên bản họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng

mười lăm (15) ngày sau khi cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên phải tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và phải đảm bảo tối thiểu có các nội dung:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của HĐQT và từng Thành viên HĐQT;
- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- Kết quả đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT (nếu có);
- Hoạt động của TBKTNB và các Tiểu ban khác của HĐQT;
- Kết quả giám sát đối với hoạt động của BTGD;
- Kết quả giám sát đối với các Người điều hành doanh nghiệp khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:
 - Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - Trình độ học vấn;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên HĐQT và các chức danh Quản lý khác;
 - Báo cáo đánh giá về sự đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
 - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - Họ và tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có).
2. Các ứng viên HĐQT phải cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và thực hiện nhiệm vụ của Thành viên HĐQT một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Thành viên HĐQT.
3. Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng viên HĐQT (nếu có).
4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Việc đề cử ứng viên HĐQT mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số

lượng cần thiết, HĐQT có thể đề cử thêm ứng viên. Cơ chế HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

6. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu Thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu.

Điều 9. Tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên HĐQT là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm Thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Để đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành Công ty, Thành viên HĐQT hạn chế nắm giữ chức vụ kiêm nhiệm trong bộ máy điều hành của Công ty.
3. Thành viên HĐQT của Công ty không được đồng thời là Thành viên HĐQT trên năm (5) công ty khác, trừ trường hợp là Thành viên HĐQT của các công ty con, công ty liên kết của Công ty trong cùng Tập đoàn Novaland hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế.
4. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh TGD, trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 10. Thành phần Hội đồng Quản trị

1. Công ty phải có ít nhất năm (5) Thành viên HĐQT và tối đa mười một (11) Thành viên HĐQT. Cơ cấu của HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các Thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Tổng số Thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số Thành viên HĐQT.

Điều 11. Quyền của Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.

Điều 12. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và Công ty.
3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
4. Các Thành viên HĐQT và những Người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.
5. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các Thành viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của Thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.
2. HĐQT chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.
3. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

4. HĐQT xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT và trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên HĐQT:
 - Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT;
 - Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí Thành viên HĐQT của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Cách thức bầu Thành viên HĐQT;
 - Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm Thành viên HĐQT;
 - Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT.
 - b. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT:
 - Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những Thành viên HĐQT không thể dự họp);
 - Điều kiện tổ chức họp HĐQT;
 - Cách thức biểu quyết;
 - Cách thức thông qua Nghị quyết của HĐQT;
 - Ghi biên bản họp HĐQT;
 - Thông báo Nghị quyết HĐQT.
5. HĐQT xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm giải quyết khiếu nại của công ty đối với Người điều hành doanh nghiệp và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT với BTGD, gồm các nội dung chính sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, giải quyết khiếu nại của công ty đối với Người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty:
 - Các tiêu chuẩn để lựa chọn Người điều hành doanh nghiệp;
 - Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;
 - Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp;
 - Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;
 - Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;
 - Giải quyết khiếu nại của công ty đối với Người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó.
 - b. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BTGD:
 - Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và BTGD;
 - Thông báo Nghị quyết của HĐQT cho BTGD;
 - Các trường hợp BTGD đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT;
 - Báo cáo của BTGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
 - Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với BTGD;
 - Các vấn đề BTGD phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT;

- Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các Thành viên HĐQT và Thành viên BTGD theo các nhiệm vụ cụ thể của các Thành viên nêu trên.
- 6. HĐQT có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên HĐQT, Thành viên BTGD và các Người điều hành doanh nghiệp khác.
- 7. HĐQT có trách nhiệm báo cáo việc bổ nhiệm Tổng giám đốc cho ĐHĐCĐ và báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Điều 14. Hợp Hội đồng Quản trị

1. HĐQT tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các Thành viên HĐQT theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng. Chủ tọa cuộc họp và Thư ký phải ký tên vào các Biên bản họp. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hàng năm, HĐQT yêu cầu Thành viên độc lập HĐQT có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 15. Thù lao của Hội đồng Quản trị

1. Thù lao của HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm và được công bố theo quy định.
2. Trường hợp Thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty và các Công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.
3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do Công ty thanh toán, cấp cho từng Thành viên HĐQT được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 16. Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ và các Tiểu ban của HĐQT

1. HĐQT quy định thủ tục thành lập và hoạt động của TBKTNB, bao gồm các tiêu chuẩn của Thành viên TBKTNB; cơ cấu, thành phần của TBKTNB; quyền và trách nhiệm của TBKTNB; các cuộc họp của TBKTNB.
2. HĐQT có thể thành lập các Tiểu ban khác để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, bao gồm Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Lương thưởng và các Tiểu ban đặc biệt khác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
3. HĐQT cần bổ nhiệm một (1) Thành viên độc lập HĐQT làm Trưởng TBKTNB, Tiểu ban Nhân sự và Tiểu ban Lương thưởng.
4. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm của từng Thành viên. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
5. Trường hợp Công ty không thành lập các Tiểu ban thì HĐQT có thể phân công Thành viên độc lập HĐQT phụ trách các vấn đề về lương thưởng, nhân sự.

Điều 17. Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động Quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, HĐQT sẽ chỉ định ít nhất một (1) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm chức danh Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và nhiệm vụ theo quyết định của HĐQT nhưng tối đa là năm (05) năm.
2. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

3. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một (1) hay nhiều Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.
5. Vai trò và nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty bao gồm:
 - Chuẩn bị các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT theo yêu cầu của HĐQT;
 - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - Tham dự các cuộc họp;
 - Đảm bảo các Nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao Biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho Thành viên HĐQT;
 - Hỗ trợ Thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

CHƯƠNG IV: ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 19. Đào tạo về quản trị Công ty

Thành viên HĐQT, Thành viên BTGD, Thành viên TBKTNB, Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty phải tham gia các khóa đào tạo về Quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

CHƯƠNG V: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 20. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác

1. Thành viên HĐQT, BTGD và Người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên HĐQT, BTGD, Người điều hành doanh nghiệp khác và những Người liên quan tới các Thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, BTGD và Người điều hành doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính Thành viên đó hoặc với những Người có liên quan tới Thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc Nghị quyết HĐQT thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên Website Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Thành viên HĐQT, BTGD, Người điều hành doanh nghiệp khác và những Người có liên quan tới Thành viên nêu trên, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.
5. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà Thành viên đó hoặc Người có liên quan đến Thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của Thành viên HĐQT đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.
6. Các Thành viên HĐQT, BTGD, Người điều hành doanh nghiệp khác và những Người có liên quan tới các Thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 21. Giao dịch với Người có liên quan

1. Bất kỳ giao dịch với Người có liên quan nào cũng cần được phê duyệt trước khi thực hiện. Thẩm quyền phê duyệt giao dịch với Người có liên quan được quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Khi tiến hành giao dịch với những Người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những Người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của Công ty hay lũng đoạn giá cả.
4. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những Người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những Người có liên quan.

Điều 22. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.
2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:
 - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;
 - b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT và BTGD.
3. Công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng và trách nhiệm xã hội của Công ty.

CHƯƠNG VI: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 23. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 24. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công ty

1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Trường hợp Công ty thay đổi mô hình hoạt động, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và công bố thông tin trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi ĐHĐCĐ có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 25. Công bố thông tin về Quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình Quản trị Công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (6) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, Công ty có nghĩa vụ phải đăng tải các báo cáo tình hình Quản trị Công ty trên Website của Công ty.

Điều 26. Công bố thông tin về thu nhập của Người điều hành doanh nghiệp

Tiền lương của Người điều hành doanh nghiệp phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 27. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Người nội bộ và Người có liên quan

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 20 của Quy chế này, Thành viên HĐQT, Thành viên BTGD, Người nội bộ và Người có liên quan có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư 155 về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty mà các Thành viên nêu trên là Thành viên sáng lập hoặc là Thành viên HĐQT, Thành viên BTGD trong thời gian ba (3) năm trước.
2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó Người có liên quan của các Thành viên nêu trên là Thành viên HĐQT, Thành viên BTGD hoặc cổ đông lớn.
3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các Thành viên nêu trên.

Điều 28. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định pháp luật.
2. Công ty phải có ít nhất một (1) nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:
 - a) Công bố thông tin của Công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG VII: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Giám sát

Công ty, cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về Quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Xử lý vi phạm

Công ty, cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ có thể bị xử lý kỷ luật theo các quy định nội bộ của Công ty, bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị Công ty phải được HĐQT thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Điều khoản thi hành

Các Thành viên HĐQT, TBKTNB, Tiểu ban trực thuộc HĐQT, BTGD, các cổ đông và Cán bộ công nhân viên của Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cá nhân báo cáo bằng văn bản lên HĐQT Công ty xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÙI THÀNH NHƠN